TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2024/DS-PT
Ngày: 26 - 4 - 2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình;

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh;

2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2024/TLPT-DS ngày 27/3/2024, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST, ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2024/QĐ-PT, ngày 02/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 151/2024/QĐ-PT ngày 19/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm 1990; địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Dương Lê S - Văn phòng Luật sư S, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường W, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Kim M, sinh năm 1991 và bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1990; địa chỉ: Đường Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Văn Thị Mỹ H, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày có nội dung như sau:*

Ông Nguyễn Đăng V có quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Kim M, bà Trần Thị Thu T. Vào ngày 04/9/2023, ông M và bà T có gặp ông V và cho biết đang cần vay tiền để xoay sở lo cho công việc chung của vợ chồng. Sau khi hai bên trao đổi với nhau, thì ông V đồng ý cho vợ chồng ông M, bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là đến ngày 15/9/2023, các bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là lãi ngày nhưng không ghi vào giấy vay mượn. Theo thỏa thuận, trong ngày 04/9/2023 thì bà T nhận và viết giấy vay tiền đưa cho ông V, đồng thời ông V có trách nhiệm chuyển khoản số tiền vay 1.000.000.000 đồng vào số tài khoản 0057999999, Ngân hàng S do ông Nguyễn Kim M đứng tên chủ tài khoản. Sau đó ông V đã 03 lần chuyển tiền vào tài khoản cho ông M mượn tại Ngân hàng S qua dịch vụ chuyển tiền nhanh Napas, cụ thể: Lần 1, lúc 14h42' chuyển số tiền 400.000.000 đồng; lần 02, lúc 15h10' chuyển số tiền 300.000.000 đồng và lần 3, lúc 22h29' chuyển số tiền 300.000.000 đồng.

Đến ngày 15/9/2023 là ngày đến hạn trả nợ, ông V có liên lạc bằng điện thoại với vợ chồng ông M, bà T nhiều lần nhưng họ nói chưa có tiền trả. Sau đó ông V có đến nhà bà T để yêu cầu trả tiền nợ vay nhưng ông M, bà T vẫn không trả nợ mà tìm đủ mọi cách để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và cho đến nay, vợ chồng ông M, bà T vẫn chưa trả nợ cho ông V.

Ông V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T phải trả cho ông V số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ quá hạn vay, ngày 15/9/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án và khấu trừ số tiền 12.000.000 đồng tiền lãi mà ông V đã nhận.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày có nội dung như sau:*

Bà Trần Thị Thu T và chồng Nguyễn Kim M có mối quan hệ bạn bè với ông Nguyễn Đăng V. Vợ chồng ông M và bà T có vay mượn qua lại nhau với ông V rất nhiều lần. Ông M và bà T thừa nhận có vay của ông Nguyễn Đăng V số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 04/9/2023, thời hạn trả nợ là ngày 15/9/2023, hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3.000 đồng/1 triệu/ngày. Ông M và bà T đã trả lãi suất đầy đủ cho ông V đến ngày 07/9/2023, với số tiền là 12.000.000 đồng, sau đó thì ông V đã khởi kiện vợ chồng bà T, ông M.

Đối với việc ông V khởi kiện thì vợ chồng ông M, bà T xác định còn nợ ông V số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, vợ chồng ông M, bà T đồng ý trả cho ông V số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 15/9/2023, nhưng vì làm ăn thua lỗ nên ông bà xin trả nợ dần theo tháng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 467 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đăng V.

Buộc bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Kim M hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng V số tiền 1.025.073.000 đồng (trong đó 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 25.073.000 đồng tiền lãi)**.**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Kim M phải chịu 42.752.190 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đăng V được nhận lại số tiền 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số AA/2022/0004508 ngày 22/9/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/01/2024 bị đơn ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T có đơn kháng cáo, với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không thỏa đáng đối với bị đơn, nên bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự, có đủ căn cứ xác định vợ chồng ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T có vay và hiện còn nợ ông Nguyễn Đăng V số tiền là 1.000.000.000 đồng. Ông M, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T phải trả cho ông Nguyễn Đăng V số tiền 1.025.073.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và 25.073.000 đồng tiền lãi, là có căn cứ và đúng pháp luật**.** Do đó kháng cáo của ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T, là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời

trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T, xét thấy:

[1] Về số tiền vay gốc: Theo nội dung Giấy vay tiền ngày 04/9/2023, Hóa đơn các lần ông Nguyễn Đăng V chuyển tiền qua tài khoản của ông Nguyễn Kim M và lời trình bày của các bên đương sự, đã có đủ căn cứ xác định: Vợ chồng ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T có vay của ông Nguyễn Đăng V số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn) vào ngày 04/9/2023, thời hạn trả nợ là 15/9/2023. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ vay mặc dù ông V đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông M và bà T vẫn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ theo như cam kết. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn thừa nhận số tiền vay nhưng do làm ăn thua lỗ nên xin được trả dần số tiền nợ, nhưng nguyên đơn không đồng ý cho trả dần theo phương án trả hàng tháng mà yêu cầu phải trả một lần. Do đó ý kiến của phía bị đơn ông M, bà T xin trả dần số tiền nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về lãi suất: Các bên đều xác định khi vay tiền hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất, tuy nhiên quá trình giải quyết nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 15/9/2023) đến thời điểm xét xử sơ thẩm và khấu trừ số tiền lãi 12.000.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Do đó, bản án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng, thời hạn tính lãi từ ngày 15/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/01/2024) là 04 tháng 14 ngày, mức lãi suất là 0,83%/tháng, là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó số tiền lãi phải trả là: (1.000.000.000 đồng x 0,83%/tháng) x 04 tháng 14 ngày = 37.073.000 đồng. Khấu trừ số tiền lãi đã trả là 12.000.000 đồng, thì bị đơn còn phải trả số tiền lãi là 25.073.000 đồng.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định bản án sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đăng V, buộc vợ chồng ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đăng V số tiền nợ là 1.025.073.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 25.073.000 đồng, là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T là không có căn cứ chấp nhận, nên cần giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể là: 36.000.000 đồng + (225.073.000 đồng x 3%) = 42.752.190 đồng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DSST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V.

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T phải trả cho ông Nguyễn Đăng V số tiền là 1.025.073.000 đồng (một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 25.073.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Kim M và bà Trần Thị Thu T phải chịu 42.752.190 đồng (bốn mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn, một trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) theo Biên lai thu số AA/2022/0004508 ngày 22/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Kim M, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) mà bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Kim M đã nộp (do bà Văn Thị Mỹ H nộp thay), lần lượt theo các Biên lai thu số AA/2023/0005333 ngày 19/02/2024 và số AA/2023/0005334 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Bình